

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN BA**  
**TỈNH NINH THUẬN**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày: 30- 6 - 2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA, TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Thiện

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Thọ Toàn – Phó hội nông dân huyện.
2. Bà Pinăng Thị Nở – Phó chủ tịch Hội phụ nữ huyện.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Sầm A Tắc - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện BA.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BA tham gia phiên tòa:** Ông Tạ Yên Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện BA xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXX-ST ngày 5 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm 1, thôn NH1, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh LĐ

2. *Bị đơn:* Anh Trần Ng H, sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: thôn ĐD, xã PTr, huyện BA, tỉnh NT.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Võ Thị Ng Th, sinh năm 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: thôn LLL, xã LL, huyện ĐD, tỉnh LĐ.

**- Người làm chứng:**

1/ Anh Trần Quốc B, sinh năm 2001 (Xin xét xử vắng mặt)

2/ Chị Trần Thị Th Th, sinh năm 1998 (Xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: thôn LLL, xã LL, huyện ĐD, tỉnh LĐ.

3/ Anh Hà V T, sinh năm 1994 (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn LLL, xã LL, huyện ĐD, tỉnh LĐ

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Trong thời gian vợ chồng anh Trần Ng H, chị Võ Thị Ng Th còn sống chung, ngày 12/11/2015 anh H, chị Th có mượn của bà 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng để lấy vốn làm ăn, do là người thân quen trong gia đình nên hai bên không làm giấy tờ gì và có thỏa thuận khi nào anh H, chị Th bán được đất thì sẽ trả nợ cho bà. Từ đó đến nay bà đã nhiều lần đòi nợ, nhưng anh H, chị Th chưa trả tiền trả cho bà, đến nay hai người đã ly hôn, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu anh H và chị Th phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.

*Bị đơn anh Trần Ng H trình bày:*

Trong thời gian anh và chị Võ Thị Ng Th còn sống chung ngày 12/11/2015, anh và chị Th có mượn của bà Nguyễn Thị H 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng để lấy vốn làm ăn, hai bên không làm giấy tờ gì, anh và chị Th cam kết khi nào bán được đất thì trả nợ cho bà H. Từ đó đến nay bà H đã nhiều lần đòi nợ, nhưng anh và chị Th chưa có tiền trả cho bà H. Đến nay anh và chị Th đã ly hôn, bà H làm đơn yêu cầu hai người phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền nợ. Anh đồng ý trả cho bà H số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, phần còn lại anh đề nghị Tòa án buộc chị Th phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền nợ 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Ng Th trình bày:*

Ngoài tên gọi Võ Thị Ng Th, chị còn có tên gọi khác là Thảo, sự việc bà Nguyễn Thị H cho anh Trần Ng H mượn số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng vào tháng 11/2015 theo như lời trình bày của bà H thì chị không biết. Đến nay bà H làm đơn yêu cầu chị phải có trách nhiệm liên đới trả khoản tiền nợ anh H đã mượn chị không đồng ý. Anh H là người mượn tiền của bà H, vì vậy anh H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ trên cho bà H.

Mặc dù không có mặt tại phiên tòa, nhưng trong đơn trình bày ngày 13/5/2020 của anh Trần Quốc B, ngày 15/5/2020 của chị Trần Thị Th Th và ngày 18/5/2020 của anh Hà V T là con và con rể của anh H và chị Th đã trình bày. Trong thời gian ba Trần Ng H và mẹ là Võ Thị Ng Th còn sống chung (chưa ly hôn) thì hai người có vay mượn tiền của ai để đầu tư làm ăn như thế nào thì anh B, chị Thúy và anh T đều không biết, vì vậy mọi người cùng đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết. Do bận công việc làm ăn ở xa không tham gia được nên anh B, chị Thúy và anh T cùng đề nghị Tòa án xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BA phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn anh Trần Ng H, người có quyền lợi liên quan chị Võ Thị Ng Th và những người làm chứng anh Trần Quốc B, chị Trần Thị Th Th và anh Hà V T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn anh Trần Ng H, hiện anh H đang sinh sống tại xã PTr

nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BA theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung sự việc: Trong thời gian vợ chồng anh Trần Ng H, chị Võ Thị Ng Th còn sống chung, ngày 12/11/2015 anh H, chị Th có mượn của bà Nguyễn Thị H số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng để lấy vốn làm ăn, do là người thân quen trong gia đình nên hai bên không làm giấy tờ gì và có thỏa thuận khi nào anh H, chị Th bán được đất thì sẽ trả nợ cho bà. Từ đó đến nay bà đã nhiều lần đòi nợ, nhưng anh H, chị Th chưa trả tiền trả cho bà, đến nay hai người đã ly hôn, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu anh H và chị Th phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ việc anh Trần Ng H có lời khai cho rằng đây là khoản nợ chung của anh H và chị Th trong thời kỳ hôn nhân nên chị Th phải có trách nhiệm trả một phần số tiền nợ cho bà H, nhưng chị Th không đồng ý, chị không thừa nhận có mượn của bà H số tiền trên. Tại phiên tòa anh H và những người làm chứng không đưa ra được chứng cứ chứng minh chị Th có liên quan đến số tiền anh H đã mượn của bà H, vì vậy không có căn cứ để buộc chị Th phải có trách nhiệm liên đới trả một phần của số tiền nợ trên. Do đó đề nghị hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 288, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự, buộc anh Trần Ng H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ 60.000.000 (*Sáu mươi triệu*) cho bà Nguyễn Thị H.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc anh Trần Ng H phải chịu 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000 (*Một triệu năm trăm ngàn*) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014845 ngày 18/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BA.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngày 05/02/2020, bà Nguyễn Thị H đã làm đơn khởi kiện yêu cầu anh Trần Ng H phải trả khoản tiền nợ, hiện anh H đang làm ăn sinh sống tại xã PTruyện BA. Tòa án huyện BA áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Trong thời gian vợ chồng anh Trần Ng H, chị Võ Thị Ng Th còn sống chung, ngày 12/11/2015 anh H, chị Th có mượn của bà Nguyễn Thị H số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng để lấy vốn làm ăn, do là người thân quen trong gia đình nên hai bên không làm giấy tờ gì và có thỏa thuận khi nào anh H, chị Th bán được đất thì sẽ trả nợ cho bà. Từ đó đến nay bà đã nhiều lần đòi nợ, nhưng anh H, chị Th chưa trả tiền trả cho bà, đến nay hai người đã ly hôn,

bà làm đơn khởi kiện yêu cầu anh H và chị Th phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ việc anh Trần Ng H có lời khai cho rằng đây là khoản nợ chung của anh H và chị Th trong thời kỳ hôn nhân nên chị Th phải có trách nhiệm trả khoản tiền nợ này cho bà H, nhưng chị Th không đồng ý, chị không thừa nhận có vay của bà H số tiền trên. Tại phiên tòa anh H và những người làm chứng không đưa ra được chứng cứ chứng minh chị Th có liên quan đến số tiền anh H đã mượn của bà H, vì vậy không có căn cứ để buộc chị Th phải có trách nhiệm liên đới trả một phần của số tiền nợ trên. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BA đề nghị Hội đồng xét xử, buộc anh Trần Ng H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng cho bà Nguyễn Thị H là phù hợp với các quy định tại khoản 1 Điều 288, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc anh Trần Ng H phải chịu 3.000.000 (Ba triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014845 ngày 18/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BA.

*Vì các lý trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Khoản 1 Điều 288, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự:

1/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc chị Võ Thị Ng Th phải có trách nhiệm liên đới trả một phần đối với số tiền anh Trần Ng H đã mượn của bà Nguyễn Thị H.

2/ Buộc anh Trần Ng H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng cho bà Nguyễn Thị H.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

2/ Về án phí: Anh Trần Ng H phải chịu 3.000.000 (Ba triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014845 ngày 18/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BA.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án*

*dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

3/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện BA;
- Chi cục THADS huyện BA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Đức Thiện**